

Số 25/QĐ-HĐND

Hòa Bình, ngày 26 tháng 9 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Quy định mức thu học phí

đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân
năm học 2017 - 2018 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình



THƯỜNG TRƯC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/ 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/ 2015 của Chính phủ, quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐND ngày 04/8/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình ban hành Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 2021 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 81/TTr-UBND ngày 30/8/2017 về việc đề nghị ban hành Quy định điều chỉnh mức thu học phí năm học 2017-2018 theo Nghị quyết 23/2016/NQ-HĐND ngày 04/8/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn tỉnh Hòa Bình; Báo cáo thẩm tra số 44/HĐND-VHXXH ngày 18/9/2017 của Ban văn hóa - xã hội của Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân năm học 2017 - 2018 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình như sau:

1. Mức học phí đối với các chương trình giáo dục đại trà cấp học mầm non và giáo dục phổ thông công lập, cụ thể:

a) Khu vực 1: Thành phố Hòa Bình, huyện Lương Sơn mức thu học phí.

Cấp học		Khu vực	Mức thu học phí (Đồng/tháng/học sinh)
Mầm non	Nhà trẻ	Các phường thuộc thành phố Hòa Bình và thị trấn Lương Sơn	56.000
	Mẫu giáo	Các phường thuộc thành phố Hòa Bình và thị trấn Lương Sơn	53.000
	Nhà trẻ	Các xã thuộc Thành phố Hòa Bình	50.000
	Mẫu giáo	Các xã thuộc Thành phố Hòa Bình	48.000
	Nhà trẻ	Các xã thuộc huyện Lương Sơn	45.000
	Mẫu giáo	Các xã thuộc huyện Lương Sơn	42.000
Trung học cơ sở (bao gồm bổ túc Trung học cơ sở)		Các phường thuộc thành phố Hòa Bình và thị trấn Lương Sơn.	50.000
		Các xã thuộc Thành phố Hòa Bình	48.000
		Các xã thuộc huyện Lương Sơn	45.000
Trung học phổ thông (bao gồm Giáo dục thường xuyên)		Các phường thuộc thành phố Hòa Bình và thị trấn Lương Sơn.	56.000
		Các xã thuộc Thành phố Hòa Bình	53.000
		Các xã thuộc huyện Lương Sơn	50.000
Mầm non, Trung học cơ sở (bao gồm bổ túc Trung học cơ sở); Trung học phổ thông (bao gồm Giáo dục thường xuyên)		Các xã thuộc vùng có điều kiện khó khăn của huyện Lương Sơn theo quy định của nhà nước	27.000

b) Khu vực 2: Huyện Kỳ Sơn, huyện Cao Phong, huyện Tân Lạc, huyện Yên Thủy và huyện Lạc Thủy mức thu học phí.

Cấp học		Khu vực	Mức thu học phí (Đồng/tháng/học sinh)
Mầm non	Nhà trẻ	Thị trấn	44.000
	Mẫu giáo	Thị trấn	40.000
	Nhà trẻ	Các xã	36.000
	Mẫu giáo	Các xã	32.000
Trung học cơ sở (bao		Thị trấn	40.000

gồm bổ túc Trung học cơ sở)	Các xã	36.000
Trung học phổ thông (bao gồm Giáo dục thường xuyên)	Thị trấn	40.000
	Các xã	36.000

c) Khu vực 3: Huyện Lạc Sơn, huyện Kim Bôi, huyện Mai Châu và huyện Đà Bắc mức thu học phí.

Cấp học		Khu vực	Mức thu học phí (Đồng/tháng/học sinh)
Mầm non	Nhà trẻ	Thị trấn	35.000
	Mẫu giáo	Thị trấn	32.000
	Nhà trẻ	Các xã	28.000
	Mẫu giáo	Các xã	26.000
Trung học cơ sở (bao gồm bổ túc Trung học cơ sở)		Thị trấn	32.000
		Các xã	28.000
Trung học phổ thông (bao gồm Giáo dục thường xuyên)		Thị trấn	35.000
		Các xã	32.000

2. Mức thu học phí đối với giáo dục Cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp thực hiện theo Quy định tại Điều 5 của Nghị quyết 23/2016/NQ-HĐND ngày 04/8/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 2. Hiệu lực thi hành.

1. Quy định này được thực hiện trong năm học 2017 - 2018 và có hiệu lực kể từ ngày ký điều chỉnh.

2. Các nội dung không quy định tại Quyết định này được thực hiện theo Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐND ngày 04/8/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh (CT, các PCT);
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở: GD&ĐT, TC;
- TT HĐND, UBND các huyện, TP;
- LĐ Văn phòng HĐND tỉnh;
- TT tin học và Công báo VP UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND (LT).

**TM. THƯỜNG TRỰC HĐND
CHỦ TỊCH**



Trần Đăng Ninh